| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 429/2023/DS - PT
Ngày: 23-11-2023
V/v: *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phạm Thị Hồng Vân.

*Các thẩm phán:* 1. Bà Nguyễn Thanh Minh Châu;

2. Ông Nguyễn Văn Bình. .

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Đinh Thị Hiên - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa***: Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 380/2023/TLPT- DS ngày 27 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 136/2023/DS-ST ngày 15/9/2023, của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 399/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1957; bà Khưu Thị Minh L, sinh năm 1958. Cùng cư trú: Hẻm D đường G, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

*Người đại diện theo uỷ quyền của ông Y, bà L:* Bà Võ Thị Tuyết X, sinh năm 1958. Nơi thường trú: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Số A, L, khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. (văn bản ủy quyền ngày 30/12/2022); có mặt.

2. *Bị đơn*: Chị Châu Huỳnh Cẩm T, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số D, đường C A, cư xá B, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú: Tổ F, khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Châu Minh T1, sinh năm 1945; bà Huỳnh Thị T2, sinh năm 1952; cùng cư trú: Tổ F, khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

4. Người kháng cáo: Bà Võ Thị Tuyết X đại diện cho ông Y, bà L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Đại diện nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết X trình bày:*

Ngày 26/12/1996, ông Nguyễn Văn Y, bà Khưu Thị Minh L được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 72.633m$^2$; thuộc thửa 2, 3, 30, 34, 35, 139, 140; tờ bản đồ số 83, 84, 100; đất toạ lạc tại ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Năm 2001, ông Y, bà L chuyển nhượng cho bà Trần Thị T3 phần diện tích 24.812m$^2$; thuộc thửa 139, tờ bản đồ 84 trong tổng diện tích 72.633m$^2$.

Năm 2003, ông Y, bà L giao diện tích đất còn lại cho ông Phạm Hoàng S cất nhà và quản lý, sử dụng, gìn giữ đất cho ông Y, bà L.

Tháng 4/2018, ông Y, bà L chuyển nhượng cho bà Lê Thị Mỹ p diện tích 14.281,7m$^2$; thuộc thửa 2, tờ bản đồ 100.

Tháng 9/2018, ông Y, bà L tiếp tục chuyển nhượng cho ông Phạm Hoàng S, bà Nguyễn Thị M diện tích 1.788,2m$^2$; thuộc thửa 2, tờ bản đồ 100 (nay là thửa 18, tờ bản đồ 42).

Sau khi chuyển nhượng các phần đất trên thì ông Y, bà L phát hiện phần đất của ông Y, bà L bị ông Châu Minh T1 lấn chiếm sử dụng diện tích 14.627m$^2$; thuộc thửa 34, 35; tờ bản đồ 83; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho con gái ông T1 là chị Châu Huỳnh Cẩm T cũng có thửa 35, 35; tờ bản đồ số 83. Việc cấp giấy và lấn chiếm sử dụng của chị T, ông T1 là trái quy định của pháp luật vì phần đất này ông Y, bà L đã sử dụng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1996 cho đến nay.

Nay ông Y, bà L khởi kiện chị Châu Huỳnh Cẩm T yêu cầu trả phần đất diện tích 14.627m$^2$; thuộc thửa 34, 35; tờ bản đồ 83; đất toạ lạc tại ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00880 ngày 26/12/1996 do Khưu Thị Minh L đứng tên.

*Bị đơn chị Châu Huỳnh Cẩm T trình bày:*

Ngày 16/6/2004, cha mẹ chị là ông Châu Minh T1, bà Huỳnh Thị T2 có nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị Mộng O và ông Nguyễn Văn T4 phần đất diện tích 62.582m$^2$, gồm:

+ Thửa số 36; tờ bản đồ số 83; diện tích 12.018m$^2$; Thửa số 115; tờ bản đồ số 83; diện tích 14.000m$^2$; Thửa số 116; tờ bản đồ số 83; diện tích 8.925m$^2$; Thửa số 86; tờ bản đồ số 84; diện tích 26.270m$^2$; Thửa số 89; tờ bản đồ số 84; diện tích 6.453m$^2$; Thửa số 187; tờ bản đồ số 84; diện tích 6.207m$^2$; Thửa số 80;

tờ bản đồ số 84; diện tích 7.192m$^2$; Thửa số 81; tờ bản đồ số 84; diện tích 511m$^2$; Thừa số 82; tờ bản đồ số 84; diện tích 1.006m$^2$.

Ngày 16/6/2004, ông Châu Minh T1, bà Huỳnh Thị T2 tiếp tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn T4 và bà Lê Thị Mộng O với tổng diện tích đất là 41.620 gồm: Thửa số 34; tờ bản đồ số 83; diện tích 10.072m$^2$; Thửa số 35; tờ bản đồ số 83; diện tích 4.556m$^2$; Thửa số 79; tờ bản đồ số 83; diện tích 10,999m$^2$; Thửa số 83; tờ bản đồ số 83; diện tích 9.318m$^2$; Thửa số 84; tờ bản đồ số 83; diện tích 6.676m$^2$.

Khi nhận chuyển nhượng đất của ông T4, bà O thì đất ông T4, bà O đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng dất trước đó. Sau khi nhận chuyển nhượng xong, ông T1, bà T2 cho chị T đứng tên giấy chứng nhận quyến sử dụng phần đất này. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03723 QSDD/622/QĐUB (H) ngày 9/8/2004, gồm các thửa như sau: Thửa số 34; tờ bản đồ số 83; diện tích 10.072m$^2$;Thửa số 35; tờ bản đồ số 83; diện tích 4.555m$^2$;Thửa số 36; tờ bản đồ số 83; diện tích 12.018m$^2$; Thừa số 115; tờ bản đồ số 83; diện tích 4.000m$^2$; Thửa số 116; tờ bản đồ số 83; diện tích 8.925m$^2$;Thửa số 79; tờ bản đồ số 84; diện tích 10.999m$^2$;Thửa số 80; tờ bản đồ số 84; diện tích 7.192m$^2$;Thửa số 81; tờ bản đồ số 84; diện tích 511m$^2$;Thửa số 82; tờ bản đồ số 84; diện tích 1.006m$^2$; Thửa số 83; tờ bản đồ số 84; diện tích 9.318m$^2$;Thửa số 84; tờ bản đồ số 84; diện tích 6.676m$^2$;Thửa số 86; tờ bản đồ số 84; diện tích 16.270m$^2$; Thửa số 89; tờ bản đồ số 84; diện tích 6.453m$^2$;Thửa số 187; tờ bản đồ số 84; diện tích 6.207m$^2$; Với tổng diện tích là 104.202m$^2$.

Khi nhận chuyển nhượng đất của ông T4 và bà O thì trên đất có trồng cây cao su và cây tràm đã lớn. Sau khi được đo đạc và xác định ranh ông T1 cho vét mương theo ranh và sử dụng canh tác toàn bộ 104.202m$^2$ đất trong ranh của mình.

Sau đó 02 năm, ông T1 bán cây tràm và trồng cây cao su, từ đó trên đất của ông T1 trồng toàn cây cao su và thu hoạch mủ cao su từ năm 2009 đến năm 2021. Năm 2021 cây cao su già, ông T1 bán cây cao su và trồng mì đến nay.

Mặc dù chị T đứng tên quyền sử dụng đất nhưng chị T đi học và làm việc tại TP . nên ông T1, bà T2 trực tiếp canh tác và quản lý đất, khai thác mủ cao su liên tục từ lúc chuyển nhượng đến nay không ai tranh chấp.

Đến tháng 10/2022, ông T1 làm hồ sơ đổi sổ chủ quyền đất gần xong thì ông Y, bà L khởi kiện yêu cầu chị T trả lại 02 thửa số 34, 35 tờ bản đồ số 83 với diện tích 14.627m$^2$. Nay chị T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Y, bà L vì phần đất này gia đình chị đã nhận chuyển nhượng hợp pháp, đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp quyền sử dụng đất và canh tác ổn định suốt 19 năm qua.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Châu Minh T1, bà Huỳnh Thị T2 trình bày:*

Ông T1, bà T2 là cha mẹ ruột chị Châu Huỳnh Cẩm T. Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông T1, bà Trương nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn

Văn T4, bà Lê Thị Mộng O. Khi nhận chuyển nhượng, ông T4, bà O đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông T1, bà T2 để chị T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do chị T đi làm xa, nên ông T1, bà T2 là người trực tiếp canh tác, quản lý, sử dụng đất từ trước đến nay, không có ai tranh chấp gì.

Nay ông Y, bà L khởi kiện yêu cầu chị T trả lại 02 thửa đất số 34, 35; tờ bản đồ số 83 với diện tích 14.627m$^2$; ông T1, bà T2 không đồng ý vì phần đất này ông bà đã nhận chuyển nhượng hợp pháp, đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp quyền sử dụng đất và canh tác ổn định suốt 19 năm qua.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số:136/2023/DS-ST ngày 15-9-2023, của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Tây Ninh, tuyên xử.

Căn cứ vào Điều 12; Điều 106; Điều 203 Luật Đất đai 2013; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Y, bà Khưu Thị Minh L đối với chị Châu Huỳnh Cẩm T về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Chị Châu Huỳnh Cẩm T được quyền sử dụng phần đất diện tích 14.627m$^2$; thuộc thửa 34, 35; tờ bản đồ 83 (bản đồ 2013 thuộc một phần thửa 37; tờ bản đồ 33); đất toạ lạc tại ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận:

+ Đông giáp thửa 37; tờ bản đồ 33;

+ Tây giáp thửa 37, 38; tờ bản đồ 33;

+ Nam giáp thửa 37; tờ bản đồ 33;

+ Bắc giáp thửa 37; tờ bản đồ 33.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25-9-2023, bà Võ Thị Tuyết X đại diện nguyên đơn có đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án.

Tại phiên Tòa phúc thẩm:

Đại diện nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông T1, bà T2 trình bày: Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của đại diện nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của đại diện nguyên đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 136/2023/DS-ST ngày 15/9/2023, của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Tây Ninh.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

*Sau khi căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện viện kiểm sát. Hội đồng xét xử xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Ngày 15/9/2023, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án, ngày 25/9/2023, bà Võ Thị Tuyết X là người đại diện của nguyên đơn có đơn kháng cáo. Kháng cáo của bà X còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bà Võ Thị Tuyết X đại diện chos ông Y, bà L thấy rằng:

[2.1] Phần đất tranh chấp có diện tích 14.627m$^2$; thuộc thửa 34, 35; tờ bản đồ số 83; đất toạ lạc tại ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00880 ngày 26/12/1996; do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà Khưu Thị Minh L; đồng thời Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Châu Huỳnh Cẩm T, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho chị T số 03723 ngày 9 tháng 8 năm 2004 diện tích 14.627m$^2$; thuộc thửa 34, 35; tờ bản đồ số 83, đất toạ lạc tại ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

[2.2] Ông Nguyễn Văn Y, bà Khưu Thị Minh L cho rằng diện 14.627m$^2$; thuộc thửa 34, 35; tờ bản đồ số 83; đất toạ lạc tại ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh là của ông bà nhận chuyển nhượng của ông L1 và ông S đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thửa 34, 35; tờ bản đồ số 83 nhưng ông bà không trực tiếp canh tác, sử dụng đất giao cho ông Nguyễn Hoàng S1 quản lý. Ông Y, bà L không xác định được vị trí đất tranh chấp, ông Y biết sau khi chuyển nhượng đất cho ông S1 thì không còn đất trên thực tế.

[2.3] Nguồn gốc đất của chị T đứng tên quyền sử dụng đất là của ông Huỳnh Quang M1 bà T3 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 41.620 m$^2$ đất trong đó có thửa 34,35 tờ bản đồ số 83; thửa 79,83,84 tờ bản đồ số 84 theo giấy chứng nhận ngày 21/3/2000. Năm 2002, ông M1, bà T3 chuyển nhượng phần đất 41.620 m$^2$ cho ông T4, bà O (bút lục 163,164). Năm 2004, ông Nguyễn Văn T4, bà Lê Thị Mộng O chuyển nhượng cho chị T diện tích 41.620 m$^2$ đất trong đó có diện tích 14.627m$^2$ đất tranh chấp thuộc thửa 34, 35; tờ bản đồ số 83; đất toạ lạc tại ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh giá 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) ngày 16-6-2004 (bút lục 179,180).

[2.4] Tại công văn số: 3056/UBND ngày 26-7- 2023 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh cũng xác định: Từ năm 1993, đến trước năm 2000, việc đăng ký cấp giấy chứng nhận trên địa bàn huyện T là đăng ký đại trà, cán bộ phụ trách đăng ký là những người công tác tại ấp thiếu và yếu về trình độ, nghiệp vụ.

Thêm vào đó bản đồ 299 phục vụ cấp giấy là bản đồ không ảnh, tỷ lệ nhỏ, địa hình địa vật không rõ ràng rất khó xác định vị trí đất. Đây là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc cán bộ kê khai sai vị trí thửa đất cho người dân. Do đăng ký sai, dẫn đến cấp giấy chứng nhận sai vị trí và trùng vào thửa đất của người khác đang sử dụng trên thực địa.

[3] Đối chiếu bản đồ chính quy năm 2013; thửa đất số 34, 35; tờ bản đồ số 83, diện tích 14.627m$^2$ tương ứng một phần thửa đất số 37, tờ bản đồ số 33, do chị Châu Huỳnh Cẩm T kê khai đăng ký là do ông T1, bà Trương nhận chuyển nhượng đất để chị T đứng tên giấy đất thông qua hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bút lục 233,234). Sau khi nhận đất ông T1, bà Trương t cao su, mì, cây tràm hiện nay trồng mì trên đất nên bà T2, ông T1 đã sử dụng đất ổn định, lâu dài, liên tục từ năm 2004 cho đến nay, không có tranh chấp.

[4] Ông Y, bà L căn cứ vào việc được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khởi kiện yêu cầu chị T trả lại diện tích 14.627m$^2$ là không có căn cứ. Do đó cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Y và bà L đối với chị Châu Huỳnh Cẩm T là có cơ sở. Ông Y, bà L kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của ông Y, bà L. Chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 136/2023/DS-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Tây Ninh.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do ông Nguyễn Văn Y, bà Khưu Thị Minh L là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí phúc thẩm cho ông Y, bà L.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 12; Điều 106; Điều 203 Luật Đất đai 2013; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Y, bà Khưu Thị Minh L đối với chị Châu Huỳnh Cẩm T về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Chị Châu Huỳnh Cẩm T được quyền sử dụng phần đất diện tích 14.627m$^2$; thuộc thửa 34, 35; tờ bản đồ 83 (bản đồ 2013 thuộc một phần thửa 37; tờ bản đồ 33); đất toạ lạc tại ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận:

+ Đông giáp thửa 37; tờ bản đồ 33;

+ Tây giáp thửa 37, 38; tờ bản đồ 33;

+ Nam giáp thửa 37; tờ bản đồ 33;

+ Bắc giáp thửa 37; tờ bản đồ 33.

Kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền căn cứ quyết định của bản án này điều chỉnh, thu hồi, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đương sự theo quy định.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn Y, bà Khưu Thị Minh L phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng, gồm:

- Chi phí định giá là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Ghi nhận đã nộp xong.

- Chi phí đo đạc là 71.400.000 đồng (bảy mươi mốt triệu bốn trăm nghìn đồng). Ghi nhận đã nộp 61.400.000 (sáu mươi mốt triệu bốn trăm nghìn đồng), còn phải tiếp tục nộp số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) trả cho Công ty cổ phần K.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Y, bà Khưu Thị Minh L là người cao tuổi nên được miễn án phí.

4. Các quyết định khác của bản án sơ không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp, bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚCTHẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Phạm Thị Hồng Vân**